ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 211/QĐ-UBND	*Bình Dương, ngày 29 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh mục ao, hồ, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 448/TTr-STNMT ngày 14 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục ao, hồ, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh Bình Dương gồm 25 ao, hồ, đầm, phá không được san lấp (Chi tiết danh mục theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm:

a) Công bố danh mục ao, hồ, đầm, phá không được san lấp trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo đến các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện.

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố rà soát, thống kê, cập nhật và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung Danh mục ao, hồ, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh phù hợp quy hoạch phát triển kinh tế của từng giai đoạn.

c) Định kỳ hàng năm báo cáo công tác quản lý hồ, ao, đầm không được san lấp gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm trong công tác phối hợp quản lý, bảo vệ, rà soát, thống kê, cập nhật điều chỉnh, bổ sung danh mục ao, hồ, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm:

a) Thông báo, phổ biến nội dung Quyết định này đến Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý thuộc danh mục ao, hồ, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh để biết và triển khai thực hiện.

b) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn niêm yết công khai Danh mục ao, hồ, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tại Trụ sở cơ quan, đơn vị.

c) Rà soát, thống kê, đề xuất điều chỉnh, bổ sung danh mục ao, hồ, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn. Quản lý chặt chẽ không để xảy ra hoạt động san lấp ao, hồ, đầm, phá, đầm trái phép trên địa bàn theo quy định; trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý ao, hồ, đầm, phá chịu trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch quản lý, thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ và bảo vệ ao, hồ, đầm, phá không được san lấp; trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm kịp thời phối hợp với cơ quan có thẩm quyền ở địa phương để xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Sử dụng hồ, ao, đầm, phá đúng mục đích và tuân thủ các quy định về quản lý, bảo vệ hồ, ao, đầm, phá không được san lấp.

c) Hồ, ao, đầm, phá trong danh mục không được san lấp được ưu tiên xem xét, xây dựng kè bờ bảo vệ các khu vực dễ bị san lấp, sạt lở; định kỳ nạo vét, lưu thông dòng chảy.

d) Kiểm soát chặt chẽ các hành vi lấn chiếm hồ, ao, đầm, phá xây dựng công trình trái phép, xả nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

đ) Việc khai thác, sử dụng hồ, ao, đầm, phá trong danh mục không được san lấp vào các mục đích (vui chơi giải trí, nuôi trồng thủy sản, du lịch...) phải được cấp có thẩm quyền cho phép.

5. Cộng đồng dân cư chịu trách nhiệm: Không được san lấp, lấn chiếm trái phép ao, hồ, đầm, phá, đầm sử dụng cho mục đích cá nhân, các hành vi vi phạm các quy định về quản lý, khai thác, sử dụng ao, hồ, đầm, phá không được san lấp sẽ bị xử lý theo các quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC
ĐÃ KÝ: Mai Hùng Dũng

DANH MỤC HỒ, AO, ĐẦM, PHÁ KHÔNG ĐƯỢC SAN LẤP

(Kèm theo Quyết định số: 211/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình	Địa điểm	Dung tích (m^3)	Diện tích (m^2)	Chức năng của công trình
I	**Thành phố Thủ Dầu Một**				
1	Hồ cảnh quan Công viên thành phố mới	Phường Hòa Phú	788.063,0	157.612,6	Tạo cảnh quan và tiếp nhận, điều tiết nước mưa trong khu vực
2	Hồ Tân Vĩnh Hiệp	Phường Phú Tân, phường Tân Vĩnh Hiệp	250.000,0	125.350,0	Tiếp nhận nguồn nước mưa, nước thải đã qua xử lý của khu liên hợp - Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương, giải quyết tiêu thoát nước cho khu vực đô thị
3	Hồ công viên Thủ Dầu Một	Phường Hiệp Thành	26.475,0	8.825,0	Tiếp nhận nước mưa, tạo cảnh quan cho công viên
4	Hồ công viên khu dân cư Hiệp Thành 3	Phường Hiệp Thành	16.731,0	8.365,7	Tiếp nhận nước mưa, tạo cảnh quan cho khu dân cư Hiệp Thành 3
II	**Thành phố Dĩ An**				
1	Hồ nước mỏ đá Bình An	Phường Bình An	13.000.000,0	338.600,0	Tiếp nhận nước mưa và tạo cảnh quan cho khu vực
2	Hồ nước mỏ đá Tân Đông Hiệp	Phường Tân Đông Hiệp	68.000.000,0	447.000,0	Tiếp nhận nước mưa và tạo cảnh quan cho khu vực
3	Hồ nước mỏ đá Núi Đá Nhỏ	Phường Bình An	25.000.000,0	273.400,0	Tiếp nhận nước mưa và tạo cảnh quan cho khu vực
III	**Thành phố Thuận An: Không có ao, hồ, đầm không được san lấp**				
IV	**Thành phố Tân Uyên**				

STT	Tên công trình	Địa điểm	Dung tích (m^3)	Diện tích (m^2)	Chức năng của công trình
1	Ao cá (đất công ích)	Thửa đất 334, tờ bản đồ số 6, khu phố 3, phường Hội Nghĩa	265.000,0	9.700,7	Cho thuê nuôi trồng thủy sản, thu chứa nước mưa chảy tràn khu vực xung quanh
V	**Thị xã Bến Cát**				
1	Đập 26/3	Khu phố 3, phường Mỹ Phước	434.416,0	108.604,0	Công trình thủy lợi
VI	**Huyện Phú Giáo**				
1	Nhà máy nước Phước Vĩnh (hồ)	Khu phố 1, thị trấn Phước Vĩnh	5.695,0	3.350,0	Cung cấp nước sạch
2	Đất UBND xã quản lý (ao)	Ấp 1B, xã Phước Hòa	25.358,0	12.679,7	Trữ nước
3	Đất UBND xã quản lý (ao)	Ấp 1B, xã Phước Hòa	3.976,0	1.988,4	Trữ nước
4	Đất UBND huyện quản lý (hồ)	Ấp Suối Con, xã Phước Hòa	200.000,0	80.000,0	Nuôi cá
5	Hồ chứa Suối Lùng	xã Phước Hòa	250.000,0	108.600,0	
VII	**Huyện Dầu Tiếng**				
1	Hồ Cần Nôm	Xã Thanh An	7.987.000,0	230.000,0	Điều tiết, cung cấp nước tưới
2	Đập, hồ Thị Tính	Các xã: Long Hòa, An Lập, Định Hiệp, Long Tân	674.000,0	571.100,0	Điều tiết, Cung cấp nước tưới (hiện công trình hư hỏng còn khả năng phục vụ sản xuất)
VIII	**Huyện Bàu Bàng**				
1	Hồ Từ Vân 1	xã Lai Hưng	309.000,0	290.000,0	Tiêu thoát nước
2	Hồ Từ Vân 2	xã Lai Hưng	241.000,0	102.000,0	Tiêu thoát nước
IX	**Huyện Bắc Tân Uyên**				

STT	Tên công trình	Địa điểm	Dung tích (m^3)	Diện tích (m^2)	Chức năng của công trình
1	Hồ Dốc Nhàn	Xã Lạc An	760.000,0	270.000,0	Tích nước cung cấp cho sản xuất nông nghiệp
2	Hồ Đá Bàn	Thị trấn Tân Thành, xã Đất Cuốc	6.200.000,0	1.360.000,0	Tích nước cung cấp cho sản xuất nông nghiệp
3	Đập dâng Suối Sâu	Xã Tân Mỹ	-	-	Ngăn nước, chia nước kênh chính cung cấp cho sản xuất nông nghiệp
4	Đập Tràng	Thị trấn Tân Bình	145.250,0	58.100,0	Phục vụ nông nghiệp và giữ mạch nước ngầm
5	Đập Cua Đinh	Thị trấn Tân Bình	86.400,0	36.000,0	Phục vụ nông nghiệp và giữ mạch nước ngầm
6	Đập Bến Xe	Thị trấn Tân Bình	18.000,0	12.000,0	Phục vụ nông nghiệp và giữ mạch nước ngầm
7	Hồ Cua Pari	Thị trấn Tân Bình	1.190.000,0	170.000,0	Phục vụ nông nghiệp và giữ mạch nước ngầm